**ĐỀ CƯƠNG**

*(Đính kèm Công văn số /STC-GCSDN ngày /7//2022*

*của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)*

1. **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế yếu kém và nguyên nhân, của:

1. Công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt, kế hoạch thực hiện Nghị quyết của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

Sau học tập quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Tài chính đã tuyên truyền quán triệt đến toàn thể công chức và người lao động để biết và thực hiện (số lượng đảng viên công chức được học tập quán triệt 48/48 đạt tỷ lệ 100%).

Việc triển khai nghiêm túc, kịp thời Nghị quyết số 19-NQ/TW đã tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của lãnh đạo, công chức và người lao động thuộc Sở Tài chính; nhất là theo chức năng, nhiệm vụ của ngành quan tâm, chủ động, phối hợp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Ban hành kế hoạch, chương trình hành động, các văn bản có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết.

không có ban hành kế hoạch, chương trình hành động

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

- Ban hành các danh mục dịch vụ SNC theo từng ngành, lĩnh vực theo khả năng ngân sách địa phương các loại dịch vụ SNC cơ bản, thiết yếu mà Nhà nước phải hỗ trợ ngân sách để cung ứng cho người dân và những dịch vụ SNC có khả năng xã hội hóa cao theo từng lĩnh vực (giáo dục – đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác), bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế về nhu cầu sử dụng, hệ thống các đơn vị cung ứng dịch vụ công lập và ngoài công lập, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội... của địa phương.

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Về phê duyệt Đề án tự chủ của các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết đã đề ra đến năm 2021, các nội dung tiếp tục thực hiện năm 2022 (xây dựng biểu mẫu số liệu, kết quả thực hiện). Đối với 08 nhiệm vụ và giải pháp cần làm rõ các nội dung sau:

1. Về nhận thức và đồng thuận

Làm rõ những thay đổi căn bản về nhận thức và đồng thuận của các ngành, các cấp, các đơn vị sự nghiệp và toàn xã hội đối với việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.

Sở Tài chính đã triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP cho các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh xong các đơn vị đều nhận thưc và đồng thuận rất cao.

1. Về đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

* *Đánh giá kết quả thực hiện đẩy mạnh cơ chế tự chủ của ĐVSNCL (tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) và khả năng đạt mục tiêu đến hết năm 2021 có ít nhất 10% ĐVSNCL tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các ĐVSNCL so với năm 2015.*
* Đánh giá kết quả thực hiện chuyển các ĐVSNCL thành công ty cổ phần.
* Về chuyển một số dịch vụ công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.
* Kết quả việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa, trước hết là các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở y tế, tổ chức khoa học và công nghệ ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao.
* Kết quả chuyển đổi hoạt động của các ĐVSNCL đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp.
* Việc chuyển sang cơ chế tự bảo đảm hoàn toàn về tài chính đối với nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn.
* Việc các đơn vị đã bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên được quyền quyết định số lượng người làm việc, tiền lương theo kết quả hoạt động, được Nhà nước hỗ trợ về thuế, phí để tăng cường năng lực tài chính và khả năng tự cân đối.

1. Nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập

* Việc đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị, tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, ứng dụng công nghệ thông tin và tiến bộ KHCN tiên tiến, tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế trong quản lý.
* Việc nâng cao chất lượng quản trị tài chính, tài sản công của đơn vị, ban hành quy chế quản lý, xác định thẩm quyền, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, người đứng đầu. Hoàn thiện chế độ kế toán, kiểm toán, giám sát bảo đảm công khai minh bạch hoạt động tài chính của các ĐVSNCL.
* Việc áp dụng mô hình quản trị như doanh nghiệp đối với các ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.
* Việc kiểm định, đánh giá các ĐVSNCL.

1. Hoàn thiện cơ chế tài chính

* Xây dựng và hoàn thiện các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo các nguyên tắc đã nêu trong Nghị quyết.
* Kết quả việc đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu và đối với các ĐVSNCL ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa **(Phụ lục 9).**
* Kết quả việc đổi mới cơ chế tài chính chuyển ngân sách nhà nước từ hỗ trợ cho các ĐVSNCL sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
* Việc xác định giá trị đơn vị sự nghiệp, giao vốn, tài sản cho ĐVSNCL.
* Việc xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về tài chính và tài sản công của ĐVSNCL .
* Việc bảo đảm nguồn kinh phí để giải quyết chính sách đối với những người dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện tinh giản biên chế.

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

* Kết quả việc phân cấp, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng phân định rõ việc quản lý nhà nước với quản trị đơn vị sự nghiệp công lập và việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.
* Lấy kết quả thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế hằng năm là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại kết quả công tác của người đứng đầu cấp uỷ, đơn vị sự nghiệp công lập.
* Việc tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính các cấp trong quản lý ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực sự nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, tránh chồng chéo, lãng phí.
* Việc quy định rõ quyền hạn gắn với trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
* Việc tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.
* Việc đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cố tình né tránh hoặc không thực hiện nhiệm vụ được giao đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng: Đánh giá việc các cấp ủy tăng cường vai trò lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đối với tổ chức và hoạt động của các ĐVSNCL.
2. Đánh giá chung: Nêu tóm tắt những mặt được, trong đó, chú ý đánh giá hiệu quả kinh tế (mức giảm chi ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực phát triển, đầu tư của xã hội vào các ĐVSNCL, hiệu quả hoạt động hệ thống đơn vị sự nghiệp của Bộ năm 2021 so với năm 2015...) và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của địa phương.
3. Bài học kinh nghiệm

**IV. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA ĐỊA PHƯƠNG GÓP PHẦN BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN VÀ THỰC HIỆN NHỮNG CHỦ TRƯƠNG VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2022-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

1. Quan điểm
2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát (về sắp xếp, tổ chức lại, đẩy mạnh tự chủ... đối với ĐVSNCL)

Mục tiêu cụ thể

+ Giai đoạn 2022 – 2025

+ Giai đoạn 2026 – 2030

+ Tầm nhìn đến năm 2045

3. Nhiệm vụ, giải pháp

**V- MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**